

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP  
MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
XI MĂNG TÂN QUANG - VVMI

Số: 623/TB-CTQ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 22 tháng 4 năm 2026

**THÔNG BÁO MỜI CUNG CẤP**  
**Gói cung cấp: Thuê ngoài phục vụ bữa ăn ca năm 2026**

Công ty cổ phần xi măng Tân Quang – VVMI thông báo mời cung cấp Gói cung cấp: Thuê ngoài phục vụ bữa ăn ca năm 2026, như sau:

**Thông tin chung:**

Tên Bên mời chào giá: **Công ty cổ phần xi măng Tân Quang - VVMI**

- Địa chỉ: TDP Tràng Đà 5, phường Nông Tiến, tỉnh Tuyên Quang

- Điện thoại: 02073 881 268

-E-mail: PhongKHVT.CTQ@gmail.com


**Nội dung thông báo mời chào giá:**

1. Tên Bên mời cung cấp: **Công ty cổ phần xi măng Tân Quang - VVMI**
2. Tên Gói dịch vụ: Thuê ngoài phục vụ bữa ăn ca năm 2026.
3. Nguồn vốn: Vốn sản xuất kinh doanh năm 2026
4. Hình thức lựa chọn nhà cung cấp: Chào hàng cạnh tranh thông thường
5. Thời gian phát hành HSMCC: Từ ngày 23/4/2026 đến 10:00 07/5/2026.
6. HSMCC được phát hành miễn phí, địa điểm phát hành HSMCC, phòng Kế hoạch – Vật tư Công ty cổ phần xi măng Tân Quang – VVMI.

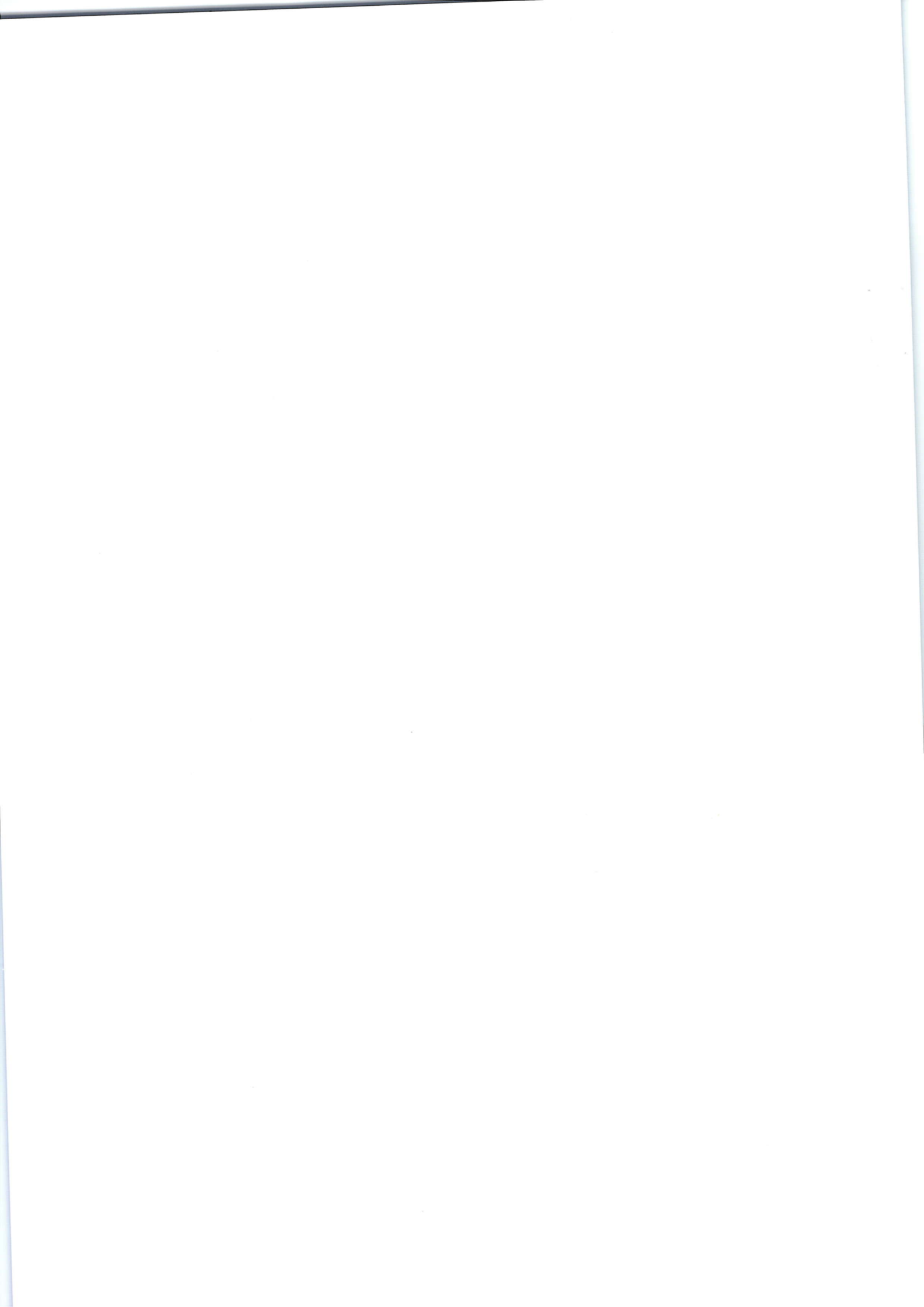
7. Thời gian kết thúc nhận HSDXCC: 10:00 07/5/2026.

8. HSDXCC sẽ được mở công khai không quá 02 tiếng sau thời điểm kết thúc tiếp nhận HSDXCC, tại Văn phòng Công ty cổ phần xi măng Tân Quang-VVMI; Địa chỉ: TDP Tràng Đà 5, phường Nông Tiến, tỉnh Tuyên Quang.

Công ty cổ phần xi măng Tân Quang- VVMI kính mời đại diện của các Nhà cung cấp nộp HSDXCC và tới tham dự lễ mở vào thời gian và địa điểm nêu trên.

Nơi nhận:   
<https://vinacomin.vn/vi>  
Lưu VT, TTV, H<sup>0</sup>





# **HỒ SƠ MỜI CUNG CẤP**

**Gói cung cấp: Thuê ngoài phục vụ bữa ăn ca năm 2026**

**Nguồn vốn: Vốn sản xuất kinh doanh**

**Phát hành ngày: 23/4/2026**

**Ban hành kèm theo Quyết định: 439/QĐ-CTQ, ngày 23/4/2026**



# HỒ SƠ MỜI CUNG CẤP

Gói cung cấp: Thuê ngoài phục vụ bữa ăn ca năm 2026

Nguồn vốn: Vốn sản xuất kinh doanh

Phát hành ngày: 23/4/2026

Ban hành kèm theo Quyết định: 439/QĐ-CTQ, ngày 23/4/2026

Tổ tư vấn

Công ty cổ phần  
xi măng Tân Quang - VVMI

Nguyễn Trọng Dự .....  
*[Signature]*

Phạm Thị La .....  
*[Signature]*

Lộc Thị Ngân .....  
*[Signature]*

Nguyễn Lê Hoàng .....  
*[Signature]*



**GIÁM ĐỐC**  
**Tông Thanh Sơn**



## Chương I. CHỈ DẪN NHÀ CUNG CẤP

<p><b>1. Phạm vi gói cung cấp</b></p>	<p>1.1. Bên mời NCC quy định tại <b>BDL</b> phát hành bộ HSMCC này để lựa chọn nhà cung cấp thực hiện dịch vụ phi tư vấn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên dịch vụ được quy định tại <b>BDL</b>.</p>
<p><b>2. Giải thích từ ngữ</b></p>	<p>2.1. Thời điểm đóng gói cung cấp là thời điểm hết hạn nhận HSDXCC và được quy định tại mục 19.1 CDNCC của <b>BDL</b></p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên là thời gian và ngày tháng theo hệ thống (GMT+7).</p>
<p><b>3. Nguồn vốn</b></p>	<p>Nguồn vốn để sử dụng cho gói cung cấp được quy định tại <b>BDL</b>.</p>
<p><b>4. Hành vi bị cấm</b></p>	<p>4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động lựa chọn nhà cung cấp dưới mọi hình thức.</p> <p>4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị HSDXCC hoặc rút HSDXCC để một bên trúng gói cung cấp;</p> <p>b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng gói cung cấp;</p> <p>c) Nhà cung cấp có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự gói cung cấp và đáp ứng yêu cầu của HSMCC nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được bên mời Nhà cung cấp yêu cầu làm rõ HSDXCC nhằm tạo điều kiện để một bên trúng gói cung cấp.</p> <p>4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong tham dự gói cung cấp;</p> <p>b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong HSDXCC nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà cung cấp.</p> <p>4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về</p>

giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;

b) Cản trở người có thẩm quyền, bên mời Nhà cung cấp, nhà cung cấp trong lựa chọn nhà cung cấp;

c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động lựa chọn nhà cung cấp;

d) Cố tình khiêu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động lựa chọn nhà cung cấp;

4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự gói cung cấp với tư cách là nhà cung cấp đối với gói cung cấp do mình làm bên mời Nhà cung cấp, Bên mời NCC hoặc thực hiện nhiệm vụ của bên mời Nhà cung cấp, Bên mời NCC.

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định HSMCC đối với cùng một gói cung cấp;

c) Tham gia đánh giá HSDXCC đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà cung cấp đối với cùng một gói cung cấp;

d) Cá nhân thuộc Bên mời NCC trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà cung cấp hoặc tham gia tổ tư vấn, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà cung cấp hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu Bên mời NCC đối với các gói cung cấp do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự gói cung cấp hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp tham dự gói cung cấp;

đ) Nhà cung cấp tham dự gói dịch vụ phi tư vấn do nhà cung cấp đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế; lập, thẩm định HSMCC; đánh giá HSDXCC; thẩm định kết quả lựa chọn nhà cung cấp; giám sát thực hiện hợp đồng;

e) Đứng tên tham dự gói cung cấp thuộc dự án do Bên mời NCC là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;

g) Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong HSMCC, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 44 và khoản 1 Điều 56 của Luật Đấu thầu;

h) Nêu điều kiện trong HSMCC nhằm hạn chế sự tham gia của nhà cung cấp hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà cung cấp gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 và khoản 2 Điều 48 của Luật Đấu thầu.

4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà

	<p>cung cấp, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, điểm h khoản 1 Điều 79, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82, điểm b khoản 4 Điều 93 của Luật Đấu thầu, bao gồm:</p> <p>a) Nội dung HSMCC trước thời điểm phát hành theo quy định;</p> <p>b) Nội dung HSĐXCC; nội dung yêu cầu làm rõ HSĐXCC của bên mời Nhà cung cấp và trả lời của nhà cung cấp trong quá trình đánh giá HSĐXCC; báo cáo của bên mời Nhà cung cấp, báo cáo của tổ tư vấn, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà cung cấp tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét gói cung cấp, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng HSĐXCC trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>c) Kết quả lựa chọn nhà cung cấp trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.</p> <p>4.8. Chuyển nhượng gói cung cấp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nhà cung cấp chuyển nhượng cho nhà cung cấp khác phần công việc thuộc gói cung cấp ngoài giá trị tối đa dành cho nhà cung cấp phụ và khối lượng công việc dành cho nhà cung cấp phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nhà cung cấp chuyển nhượng cho nhà cung cấp khác phần công việc thuộc gói cung cấp chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà cung cấp phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà cung cấp phụ đã đề xuất trong HSĐXCC mà không được Bên mời NCC, tư vấn giám sát chấp thuận;</p> <p>c) Bên mời NCC chấp thuận để nhà cung cấp chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>d) Bên mời NCC chấp thuận để nhà cung cấp chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà cung cấp phụ nêu trong hợp đồng.</p>
<p><b>5. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp</b></p>	<p>5.1. NCC là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy</p>

	<p>định của pháp luật về phá sản;</p> <p>c) Bảo đảm cạnh tranh trong lựa chọn NCC theo quy định tại BDL;</p> <p>d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>e) Không có tên trong danh sách nhà cung cấp bị cấm tham gia quá trình TKV, Tổng công ty, Công ty lựa chọn nhà cung cấp;</p> <p>5.2. Nhà cung cấp là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm c, d và e Mục 5.1 CDNCC</p>
<p><b>6. Nội dung của HSMCC</b></p>	<p>6.1. HSMCC bao gồm Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMCC theo quy định, trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p><b>Phần 1. Thủ tục lựa chọn nhà cung cấp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương I. Chỉ dẫn nhà cung cấp;</li> <li>- Chương II. Bảng dữ liệu;</li> <li>- Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDXCC;</li> <li>- Chương IV. Biểu mẫu dự gói cung cấp</li> </ul> <p><b>Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật.</li> </ul> <p><b>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng;</li> <li>- Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;</li> <li>- Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng.</li> </ul> <p>6.2. Bên mời NCC sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSMCC, tài liệu giải thích làm rõ HSMCC hay các tài liệu sửa đổi HSMCC theo quy định nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Bên mời NCC.</p> <p>6.3. Nhà cung cấp phải nghiên cứu mọi thông tin của TBMCC, HSMCC và các nội dung sửa đổi, làm rõ HSMCC, (nếu có) để chuẩn bị HSDXCC theo yêu cầu của HSMCC cho phù hợp.</p>

<p><b>7. Sửa đổi, làm rõ HSMCC</b></p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi HSMCC thì bên mời Nhà cung cấp thông báo quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và HSMCC đã được sửa đổi cho các nhà cung cấp đã nhận HSMCC. Việc sửa đổi HSMCC được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày trước ngày có thời điểm đóng gói cung cấp và bảo đảm đủ thời gian để nhà cung cấp hoàn chỉnh HSDXCC; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng gói cung cấp.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ HSMCC, nhà cung cấp phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời Nhà cung cấp trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng gói cung cấp để Bên mời Nhà cung cấp xem xét, xử lý. Bên mời Nhà cung cấp tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà cung cấp và thực hiện làm rõ bằng văn bản không muộn hơn 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng gói cung cấp. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMCC thì Bên mời NCC tiến hành sửa đổi HSMCC theo quy định tại mục 7.1 CDNCC</p> <p>7.3. Bên mời Nhà cung cấp chịu trách nhiệm làm rõ HSMCC theo đề nghị của nhà cung cấp.</p> <p>7.4. Nhà cung cấp chịu trách nhiệm cập nhật thông tin về việc sửa đổi HSMCC, thay đổi thời điểm đóng gói cung cấp (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị HSDXCC.</p>
<p><b>8. Chi phí tham dự gói cung cấp</b></p>	<p><b>Quy định tại mục 8 CDNCC của BDL</b></p>
<p><b>9. Ngôn ngữ của HSDXCC</b></p>	<p>HSDXCC cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSDXCC được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu hỗ trợ trong HSDXCC có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời Nhà cung cấp có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi bổ sung (nếu cần thiết).</p>
<p><b>10. Thành phần của HSDXCC</b></p>	<p>HSDXCC phải bao gồm các thành phần sau:</p> <p>10.1. Đơn dự gói cung cấp;</p> <p>10.2. <i>Thỏa thuận liên danh (đối với nhà cung cấp liên danh);</i></p> <p>10.3. <i>Bảo đảm dự gói cung cấp theo quy định tại Mục 18 CDNCC;</i></p> <p>10.4. <i>Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp theo Mục 16 CDNCC;</i></p> <p>10.5. <i>Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục</i></p>

	<p>15 CDNCC;</p> <p>10.6. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 CDNCC;</p> <p>10.7. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDXCC theo quy định tại Mục 12 CDNCC (nếu có);</p> <p>10.8. Các nội dung khác theo quy định tại BDL.</p>
<b>11. Đơn dự gói cung cấp và các bảng biểu</b>	Nhà cung cấp điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà cung cấp kiểm tra thông tin trong đơn dự gói cung cấp và các bảng biểu được quy định trong HSMCC để hoàn thành HSDXCC
<b>12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDXCC</b>	Quy định tại 12.1 CDNCC của BDL
<b>13. Giá dự gói cung cấp và giảm giá</b>	<p>13.1. Giá dự gói cung cấp ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này:</p> <p>a) Giá dự gói cung cấp là giá do nhà cung cấp chào trong đơn dự gói cung cấp (chưa tính giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói cung cấp.</p> <p>b) Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự gói cung cấp. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo thời gian, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng.</p> <p>c) Nhà cung cấp phải nộp HSDXCC cho toàn bộ công việc yêu cầu trong HSMCC và ghi đơn giá dự gói cung cấp cho tất cả các công việc nêu trong cột “Danh mục dịch vụ” theo Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D) Chương IV.</p> <p>13.2. Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm về giá dự gói cung cấp để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSMCC. Trường hợp nhà cung cấp có giá dự gói cung cấp, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói cung cấp thì Bên mời nhà cung cấp xử lý tình huống theo quy định tại khoản 11 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu</p> <p>13.4. Giá dự gói cung cấp của nhà cung cấp phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức</p>

	phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng gói cung cấp. Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá dự gói cung cấp không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDXCC của nhà cung cấp sẽ bị loại.
<b>14. Đồng tiền dự gói cung cấp và đồng tiền thanh toán</b>	Đồng tiền dự gói cung cấp và đồng tiền thanh toán là VND.
<b>15. Tài liệu chứng minh sự đáp ứng về kỹ thuật</b>	<p>15.1. Để chứng minh sự đáp ứng của dịch vụ so với yêu cầu của HSMCC, nhà cung cấp phải cung cấp các tài liệu là một phần của HSDXCC để chứng minh rằng các dịch vụ mà mình cung cấp phù hợp với các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương V.</p> <p>15.2. Các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ chỉ mang tính mô tả mà không nhằm mục đích hạn chế nhà cung cấp. Nhà cung cấp có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khác với điều kiện chứng minh được với Bên mời NCC rằng những tiêu chuẩn thay thế này tương đương hoặc cao hơn so với những tiêu chuẩn quy định tại Chương V.</p>
<b>16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp</b>	16.1. Nhà cung cấp kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV và các tài liệu kèm theo để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Mục 2 Chương III.
<b>17. Thời hạn có hiệu lực của HSDXCC</b>	<p>17.1. HSDXCC có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại <b>BDL</b>.</p> <p>17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDXCC, Bên mời Nhà cung cấp có thể đề nghị các nhà cung cấp gia hạn hiệu lực của HSDXCC, đồng thời yêu cầu nhà cung cấp gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự gói cung cấp (bằng thời gian hiệu lực HSDXCC sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà cung cấp không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDXCC thì HSDXCC của nhà cung cấp sẽ không được xem xét tiếp. Nhà cung cấp chấp nhận đề nghị gia hạn HSDXCC không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDXCC, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự gói cung cấp và hiệu lực của HSDXCC.</p>
<b>18. Bảo đảm dự gói cung cấp</b>	18.1. Khi tham dự gói cung cấp, NCC phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự gói cung cấp trước thời điểm đóng gói cung cấp theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm

phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm tham dự gói cung cấp theo một trong hai cách sau:

a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm tham dự gói cung cấp nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNCC; nếu bảo đảm tham dự gói cung cấp của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDXCC của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm tham dự gói cung cấp theo quy định tại Mục 18.5 Chương I thì giá trị bảo đảm tham dự gói cung cấp của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;

b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm tham dự gói cung cấp cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm tham dự gói cung cấp có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm tham dự gói cung cấp cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNCC. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm tham dự gói cung cấp theo quy định tại Mục 18.5 chương I thì giá trị bảo đảm tham dự gói cung cấp của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm tham dự gói cung cấp được quy định cụ thể tại **BDL**.

18.3. Bảo đảm tham dự gói cung cấp được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNCC, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký hợp lệ (ký số đối với bảo lãnh dự gói cung cấp điện tử), ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMCC, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời nhà cung cấp (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A hoặc Mẫu số 04B Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi

	<p>nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có).</p> <p>18.4. Nhà cung cấp không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm tham dự gói cung cấp theo thời hạn quy định <b>BDL</b>. Đối với Nhà cung cấp được lựa chọn, bảo đảm tham dự gói cung cấp được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.</p> <p>18.5. Nhà cung cấp vi phạm quy định của pháp luật về tham dự gói cung cấp dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm tham dự gói cung cấp trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sau thời điểm đóng gói cung cấp và trong thời gian có hiệu lực của HSDXCC, nhà cung cấp có văn bản rút HSDXCC hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDXCC theo yêu cầu của Hồ sơ mời cung cấp;</li> <li>- Nhà cung cấp có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy gói cung cấp theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;</li> <li>- Nhà cung cấp không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSMCC.</li> <li>- Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời nhà cung cấp, trừ trường hợp bất khả kháng;</li> <li>- Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.</li> </ul> <p>18.6. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của bên mời nhà cung cấp, nếu nhà cung cấp từ chối hoặc không nộp bản gốc thư bảo lãnh dự gói cung cấp, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự gói cung cấp bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Bên mời nhà cung cấp thì nhà cung cấp sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà cung cấp trong đơn dự gói cung cấp.</p>
<p><b>19. Thời điểm đóng gói cung cấp.</b></p>	<p>19.1. Thời điểm đóng gói cung cấp là thời điểm quy định tại <b>BDL</b></p> <p>19.2. Bên mời NCC có thể gia hạn thời điểm đóng gói cung cấp bằng cách thông báo sửa đổi. Khi gia hạn thời điểm đóng gói cung cấp, mọi trách nhiệm của Bên mời NCC và nhà cung cấp theo thời điểm đóng gói cung cấp trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng gói cung cấp mới được gia hạn.</p>
<p><b>20. Nộp, rút và sửa đổi</b></p>	<p>20.1. Nộp HSDXCC: Nhà cung cấp nộp 01 (một) bộ HSDXCC gốc và 02 bản chụp. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu</p>

<p><b>HSDXCC</b></p>	<p>liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp HSDXCC sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>20.2. Sửa đổi, nộp lại HSDXCC: Trường hợp cần sửa đổi HSDXCC đã nộp, nhà cung cấp phải tiến hành rút toàn bộ HSDXCC đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện HSDXCC, nhà cung cấp tiến hành nộp lại HSDXCC mới trước thời điểm đóng gói cung cấp. Trường hợp nhà cung cấp đã nộp HSDXCC trước khi Bên mời NCC thực hiện sửa đổi HSMCC (nếu có) thì nhà cung cấp phải nộp lại HSDXCC mới phù hợp với HSMCC đã được sửa đổi. Trường hợp nhà cung cấp không nộp lại HSDXCC thì HSDXCC đã nộp trước thời điểm HSMCC được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá</p> <p>20.3. Rút HSDXCC: nhà cung cấp được rút HSDXCC trước thời điểm đóng gói cung cấp.</p> <p>20.4. Nhà cung cấp chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại HSDXCC trước thời điểm đóng gói cung cấp. Sau thời điểm đóng gói cung cấp, Nhà cung cấp xin rút HSDXCC sẽ bị coi là vi phạm không được hoàn trả bảo lãnh dự gói cung cấp.</p>
<p><b>21. Mở HSDXCC</b></p>	<p>21.1. Bên mời Nhà cung cấp tiến hành mở HSDXCC và công khai biên bản mở HSDXCC trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng gói cung cấp trước sự tham gia chứng kiến của các NCC (nếu có). Trường hợp có 01 hoặc 02 nhà cung cấp nộp HSDXCC, Bên mời Nhà cung cấp có thể xem xét gia hạn thời điểm đóng gói cung cấp hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà cung cấp.</p> <p>21.2. Biên bản mở HSDXCC được công khai với các nhà cung cấp, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói cung cấp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên gói cung cấp;</li> <li>- Tên Bên mời NCC;</li> <li>- Hình thức lựa chọn nhà cung cấp;</li> <li>- Loại hợp đồng;</li> <li>- Thời điểm hoàn thành mở HSDXCC;</li> <li>- Tổng số nhà cung cấp tham dự.</li> </ul> <p>b) Thông tin về các nhà cung cấp tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên nhà cung cấp;</li> <li>- Giá dự gói cung cấp;</li> <li>- Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có);</li> <li>- Giá dự gói cung cấp sau giảm giá (nếu có);</li> <li>- Giá trị và hiệu lực bảo đảm dự gói cung cấp;</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian có hiệu lực của HSDXCC;</li> <li>- Thời gian thực hiện gói cung cấp;</li> <li>- Các thông tin liên quan khác (nếu có).</li> </ul>
<b>22. Bảo mật</b>	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDXCC và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà cung cấp hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà cung cấp cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà cung cấp. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDXCC của nhà cung cấp này cho nhà cung cấp khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở HSDXCC.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDXCC (nếu cần thiết), nhà cung cấp không được phép tiếp xúc với Bên mời NCC về các vấn đề liên quan đến HSDXCC của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói cung cấp trong suốt thời gian từ khi mở HSDXCC cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà cung cấp.</p>
<b>23. Làm rõ HSDXCC</b>	<p>23.1. Sau khi mở HSDXCC, nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ HSDXCC theo yêu cầu của Bên mời Nhà cung cấp, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDXCC của nhà cung cấp, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDXCC đã nộp, không thay đổi giá dự gói cung cấp.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ HSDXCC giữa nhà cung cấp và Bên mời Nhà cung cấp được thực hiện bằng văn bản.</p> <p>23.3. Việc làm rõ HSDXCC chỉ được thực hiện giữa Bên mời Nhà cung cấp và nhà cung cấp có HSDXCC cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà cung cấp không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời Nhà cung cấp thì Bên mời Nhà cung cấp sẽ đánh giá HSDXCC của nhà cung cấp theo HSDXCC nộp trước thời điểm đóng gói cung cấp. Bên mời Nhà cung cấp phải dành cho nhà cung cấp một khoảng thời gian hợp lý để nhà cung cấp thực hiện việc làm rõ HSDXCC.</p> <p>23.4. Nhà cung cấp không thể tự làm rõ HSDXCC sau thời điểm đóng gói cung cấp.</p> <p>23.5. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà cung cấp cung cấp, Bên mời NCC được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p>
<b>24. Các sai khác, đặt điều kiện và</b>	Các định nghĩa sau đây sẽ được áp dụng cho quá trình đánh giá

<p><b>bỏ sót nội dung</b></p>	<p>HSDXCC:</p> <p>24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSMCC;</p> <p>24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSMCC;</p> <p>24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà cung cấp không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSMCC.</p>
<p><b>25. Xác định tính đáp ứng của HSDXCC</b></p>	<p>25.1. Bên mời Nhà cung cấp sẽ xác định tính đáp ứng của HSDXCC dựa trên nội dung của HSDXCC của Nhà cung cấp theo quy định tại mục 10 CDNCC</p> <p>25.2. HSDXCC đáp ứng cơ bản là HSDXCC đáp ứng các yêu cầu nêu trong HSMCC mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong HSDXCC mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của dịch vụ được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với HSMCC đối với quyền hạn của Bên mời NCC hoặc nghĩa vụ của nhà cung cấp trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà cung cấp khác có HSDXCC đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMCC .</p> <p>25.3. Bên mời Nhà cung cấp phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của HSDXCC theo quy định tại Mục 15 CDNCC nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần 2 – Yêu cầu về kỹ thuật đã được đáp ứng và HSDXCC không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>25.4. Nếu HSDXCC không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSMCC thì HSDXCC đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDXCC nhằm làm cho HSDXCC đó đáp ứng cơ bản HSMCC.</p>
<p><b>26. Sai sót không nghiêm trọng</b></p>	<p>26.1. Với điều kiện HSDXCC đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMCC thì bên mời Nhà cung cấp, tổ tư vấn có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDXCC.</p> <p>26.2. Với điều kiện HSDXCC đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMCC, bên mời Nhà cung cấp, tổ tư vấn có thể yêu cầu nhà cung cấp cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong HSDXCC liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khác</p>

	<p>phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự gói cung cấp. HSDXCC của nhà cung cấp bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của bên mời Nhà cung cấp.</p> <p>26.3. Với điều kiện HSDXCC đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMCC, bên mời Nhà cung cấp, tổ tư vấn điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự gói cung cấp; giá dự gói cung cấp sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các HSDXCC.</p>
<p><b>27. Nhà cung cấp phụ</b></p>	<p>Không áp dụng</p> <p>Nhà cung cấp có hành vi chuyển nhượng gói cung cấp theo quy định tại khoản 8 Điều 16 Luật Đấu thầu thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p>
<p><b>28. Ưu đãi trong lựa chọn nhà cung cấp</b></p>	<p>28.1 Nguyên tắc ưu đãi:</p> <p>a) NCC tham dự gói cung cấp thuộc đối tượng được hưởng nhiều hơn một loại ưu đãi trong đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc trong đánh giá về tài chính thì khi tính ưu đãi chỉ được hưởng một loại ưu đãi có lợi nhất cho nhà cung cấp tương ứng với từng nội dung đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc đánh giá về tài chính.</p> <p>b) Trường hợp tất cả các nhà cung cấp tham dự gói cung cấp đều được hưởng ưu đãi như nhau hoặc tất cả các nhà cung cấp đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không cần tính ưu đãi để so sánh, xếp hạng.</p> <p>c) Nhà cung cấp phải chứng minh nhà cung cấp, dịch vụ do nhà cung cấp chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu.</p> <p>28.2. Sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước được hưởng ưu đãi theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>28.3. Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà cung cấp được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi lựa chọn được nhà cung cấp trúng gói cung cấp:</p> <p>a) Trao gói cung cấp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có);</p> <p>b) Trao gói cung cấp cho nhà NCC có điểm kỹ thuật cao hơn hoặc có số tiêu chí đánh giá về kỹ thuật ở mức chấp nhận được ít hơn đối với trường hợp gói cung cấp áp dụng phương pháp giá thấp nhất; trao thầu cho nhà cung cấp có giá dự gói cung cấp sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm</p>

	<p>giá (nếu có) thấp hơn đối với gói cung cấp áp dụng phương pháp giá đánh giá hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá.</p> <p>c) Trao gói cung cấp cho NCC có trụ sở chính ở địa phương nơi triển khai gói cung cấp;</p> <p>d) Trao gói cung cấp cho nhà cung cấp có sử dụng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng gói cung cấp vẫn còn hiệu lực;</p> <p>đ) Trao gói cung cấp cho NCC có sử dụng số lượng lao động là dân tộc thiểu số từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng gói cung cấp vẫn còn hiệu lực;</p> <p>e) Trao gói cung cấp cho nhà cung cấp có sử dụng số lượng lao động là nữ giới từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng gói cung cấp vẫn còn hiệu lực;</p> <p>g) Cho phép các nhà cung cấp này chào lại giá dự gói cung cấp để lựa chọn nhà cung cấp có giá chào thấp nhất. Nhà cung cấp không được chào giá cao hơn giá nhà cung cấp đã chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Việc chào lại giá dự gói cung cấp thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP;</p> <p>28.4. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi nêu tại Mục 28.2 và Mục 28.3 CDNCC, nhà cung cấp phải đính kèm tài liệu chứng minh trong HSĐXCC</p> <p>28.5. Nhà cung cấp phải kê khai về dịch vụ được hưởng ưu đãi theo Mẫu số 12 Chương IV để làm cơ sở xem xét, đánh giá ưu đãi. Trường hợp nhà cung cấp không kê khai thì dịch vụ của nhà cung cấp được coi là không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.</p> <p>28.6. Trường hợp dịch vụ do các nhà cung cấp chào đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi.</p>
<p><b>29. Đánh giá HSĐXCC</b></p>	<p>29.1. Bên mời NCC áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại mục 29.1 CDNCC của BDL để đánh giá HSĐXCC.</p> <p>29.2 Bên mời NCC áp dụng phương pháp “ Giá thấp nhất” để đánh giá HSĐXCC:</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III:</p> <p>- Tổ tư vấn đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà NCC trong đơn</p>

	<p>dự gói cung cấp đối với các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tư cách hợp lệ của nhà Nhà cung cấp;</li> <li>+ Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng gói cung cấp, NCC không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với cung cấp tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà cung cấp đó trúng thầu.</li> </ul> <p>Trường hợp tổ tư vấn phát hiện nhà cung cấp cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà cung cấp thì nhà cung cấp sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong lựa chọn nhà cung cấp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ tư vấn đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự gói cung cấp, thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh).</li> <li>- Nhà cung cấp được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm.</li> </ul> <p>b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ tư vấn đánh giá trên cơ sở yêu cầu của HSMCC và tính đáp ứng HSDXCC của nhà cung cấp.</li> <li>- Nhà cung cấp được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.</li> </ul> <p>c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà cung cấp được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính.</p> <p>d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III.</p> <p>đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, Bên mời NCC lập danh sách xếp hạng nhà NCC. Việc xếp hạng nhà NCC thực hiện theo quy định tại BDL. Trường hợp chỉ có một nhà cung cấp vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà cung cấp.</p> <p>e) Nhà cung cấp xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng. Nhà cung cấp được mời vào thương thảo hợp đồng không thành công thì mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.</p>
<b>30. Đối chiếu tài liệu</b>	Không áp dụng
<b>31. Điều kiện xét duyệt trúng gói cung cấp</b>	Nhà cung cấp được xem xét, đề nghị trúng gói cung cấp khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

	<p>31.1. Có HSDXCC hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <p>31.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>31.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>31.4. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại BDL;</p> <p>31.5. Có giá đề nghị trúng gói cung cấp (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói cung cấp được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói cung cấp được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói cung cấp được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói cung cấp để làm cơ sở xét duyệt trúng gói cung cấp.</p>
<p><b>32. Hủy gói cung cấp</b></p>	<p>32.1. Các trường hợp hủy gói cung cấp bao gồm:</p> <p>a) Tất cả HSDXCC không đáp ứng được các yêu cầu của HSMCC;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong HSMCC;</p> <p>c) HSMCC không tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà cung cấp được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói cung cấp;</p> <p>d) Nhà cung cấp trúng gói cung cấp thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà cung cấp trúng gói cung cấp thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà cung cấp.</p> <p>32.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật dẫn đến hủy gói cung cấp theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 32.1 Chương I thì phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>32.3. Trường hợp hủy gói cung cấp theo quy định tại Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Bên mời NCC phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự gói cung cấp cho nhà cung cấp đã nộp bản gốc bảo đảm dự gói cung cấp, trừ trường hợp nhà cung cấp vi phạm quy định tại điểm d và điểm đ Mục 32.1 Chương I</p>
<p><b>33. Thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp</b></p>	<p>33.1. Bên mời NCC thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp bằng văn bản trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói cung cấp:</p>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên gói cung cấp;</li> <li>- Giá gói cung cấp hoặc dự toán được duyệt (nếu có);</li> <li>- Tên Bên mời NCC;</li> <li>- Hình thức lựa chọn nhà cung cấp;</li> <li>- Loại hợp đồng;</li> <li>- Thời gian thực hiện gói cung cấp;</li> </ul> <p>b) Thông tin về nhà cung cấp trúng gói cung cấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã số thuế;</li> <li>- Tên nhà cung cấp;</li> <li>- Giá dự gói cung cấp;</li> <li>- Giá dự gói cung cấp sau giảm giá (nếu có);</li> <li>- Điểm kỹ thuật (nếu có);</li> <li>- Giá đánh giá (nếu có);</li> <li>- Giá trúng gói cung cấp;</li> <li>- Thời gian thực hiện gói cung cấp;</li> <li>- Thời gian thực hiện hợp đồng.</li> </ul> <p>c) Danh sách nhà cung cấp không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà cung cấp.</p> <p>33.2. Trường hợp hủy gói cung cấp theo quy định tại điểm a Mục 32.1 Chương I, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp phải nêu rõ lý do hủy gói cung cấp</p>
<p><b>34. Thay đổi khối lượng dịch vụ</b></p>	<p>34.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Bên mời Nhà cung cấp có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại <b>BDL</b> và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSDXCC và HSMCC. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng không vượt quá 5%.</p> <p>34.2. Chi phí dự phòng:</p> <p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Bên mời NCC có quyền mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói cung cấp ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại <b>BDL</b>.</p>
<p><b>35. Thông báo chấp thuận HSDXCC và trao hợp đồng</b></p>	<p>Sau khi Bên mời NCC đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp, Bên mời Nhà cung cấp gửi thông báo chấp thuận HSDXCC và trao hợp đồng bằng văn bản, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 12 Chương VIII cho nhà cung cấp trúng gói cung cấp. Thông báo chấp thuận</p>

	<p>HSDXCC và thông báo trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà cung cấp trúng gói cung cấp không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDXCC và trao hợp đồng thì nhà cung cấp sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự gói cung cấp. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDXCC được tính kể từ ngày Bên mời Nhà cung cấp gửi thông báo chấp thuận này cho nhà cung cấp trúng gói cung cấp.</p>
<p><b>36. Điều kiện ký kết hợp đồng</b></p>	<p>36.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDXCC của nhà cung cấp được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>36.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà cung cấp được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói cung cấp theo yêu cầu của HSMCC. Trường hợp thực tế nhà cung cấp không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong HSMCC thì Bên mời NCC sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà cung cấp. Bên mời NCC sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp, thông báo chấp thuận HSDXCC và trao hợp đồng trước đó và mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo đàm phán ký hợp đồng.</p> <p>36.3. Bên mời NCC phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói cung cấp theo đúng tiến độ.</p>
<p><b>37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</b></p>	<p>37.1. Trước khi ký kết hợp đồng hoặc trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà cung cấp trúng gói cung cấp phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 5, ĐKC Chương VI. Trường hợp áp dụng bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu tại Chương VIII hoặc một mẫu khác được Bên mời NCC chấp thuận.</p> <p>37.2. Nhà cung cấp không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;</li> <li>b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</li> <li>c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.</li> </ul>
<p><b>38. Giải quyết kiến nghị trong tham dự gói cung cấp</b></p>	<p>38.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà cung cấp, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, Bên mời NCC xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp, kết quả lựa chọn nhà cung cấp theo quy định tại các Điều 89, 90 và 91 của Luật Đấu thầu.</p> <p>38.2. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà cung cấp gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại <b>BDL</b>.</p>

**39. Giám sát quá trình lựa chọn nhà cung cấp**

Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật, nhà cung cấp có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại **BDL**.

## Chương II. BẢNG DỮ LIỆU (BDL)

CDNCC 1.1	Tên Bên mời NCC: Công ty cổ phần xi măng Tân Quang-VVMI
CDNCC 1.2	Tên gói cung cấp: Thuê ngoài phục vụ bữa ăn ca năm 2026
CDNCC 3	Vốn sản xuất kinh doanh
CDNCC 5.1 (c)	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong lựa chọn nhà cung cấp theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà cung cấp tham dự không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với Công ty cổ phần xi măng Tân Quang-VVMI, trừ trường hợp: <ul style="list-style-type: none"> <li>(i) Nhà cung cấp là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói cung cấp của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó.</li> <li>(ii) Nhà cung cấp là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước mà sản phẩm, dịch vụ thuộc gói cung cấp thuộc ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và gói cung cấp này là của công ty con, công ty thành viên.</li> </ul> </li> <li>Nhà cung cấp tham dự không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Bên mời nhà cung cấp, trừ trường hợp nhà cung cấp là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói cung cấp của cơ quan quản lý nhà nước đó.</li> <li>- Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự các gói cung cấp của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà cung cấp với chủ đầu tư, bên mời thầu.</li> </ul> <p>Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng gói cung cấp và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.</p> <p>Trường hợp nhà cung cấp tham dự gói cung cấp với tư cách liên danh tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p> $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ <p>Trong đó:</p> <p><math>X_i</math>: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ <math>i</math>;</p>

	<p><math>Y_i</math>: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ <math>i</math> trong thỏa thuận liên danh;</p> <p><math>n</math>: Số thành viên tham gia trong liên danh.</p>
<b>CDNCC 8</b>	<p>HSMCC được phát hành trực tiếp với giá là 0 đồng/bộ HSMCC. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự gói cung cấp. Trong mọi trường hợp, Bên mời NCC không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự gói cung cấp của nhà cung cấp.</p> <p>Nhà cung cấp đến nhận HSMCC và nộp HSDXCC cử người đại diện có giấy giới thiệu, CCCD đến thực hiện nhận và giao hồ sơ</p>
<b>CDNCC 10.8</b>	Nhà cung cấp phải nộp cùng với HSDXCC các tài liệu sau đây: Bản sao (công chứng/chứng thực) giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.
<b>CDNCC 12.1</b>	Nhà cung cấp không được phép nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.
<b>CDNCC 17.1</b>	Thời hạn hiệu lực của HSDXCC là: $\geq 30$ ngày kể từ ngày có thời điểm đóng gói cung cấp.
<b>CDNCC 18.2</b>	<p>Nội dung bảo đảm dự gói cung cấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị bảo đảm dự gói cung cấp: 30.000.000 đồng</li> <li>- Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự gói cung cấp <math>\geq 60</math> ngày kể từ ngày có thời điểm đóng gói cung cấp.</li> </ul>
<b>CDNCC 18.4</b>	Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự gói cung cấp đối với nhà cung cấp không được lựa chọn: 14 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà cung cấp được phê duyệt.
<b>CDNCC 19.1</b>	<p>Địa chỉ của Bên mời NCC (sử dụng để nộp HSDXCC):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng KHVT, Công ty cổ phần xi măng Tân Quang - VVMI</li> <li>- Địa chỉ: Tổ dân phố Tràng Đà 5, phường Nông Tiến, tỉnh Tuyên Quang.</li> </ul> <p><b>Thời điểm đóng gói cung cấp là: 10:00 ngày 07/05/2026</b></p>
<b>CDNCC 27.2</b>	Giá trị tối đa dành cho nhà cung cấp phụ: 0% giá dự gói cung cấp của nhà cung cấp.
<b>CDNCC 28.2</b>	<p>Cách tính ưu đãi:</p> <p>Sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước được hưởng ưu đãi như sau:</p> <p>NCC không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm</p>

	một khoản tiền bằng 7,5% giá dự gói cung cấp sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) vào giá đánh giá của nhà cung cấp đó để so sánh, xếp hạng
<b>CDNCC 29.1</b>	<p>Phương pháp đánh giá HSDXCC là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá về tư cách hợp lệ của nhà cung cấp: Đạt/Không đạt</li> <li>- Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt</li> <li>- Đánh giá về kỹ thuật: Đạt/Không đạt</li> <li>- Đánh giá về tài chính: Phương pháp giá thấp nhất</li> </ul>
<b>CDNCC 29.2 (d)</b>	Xếp hạng nhà cung cấp: Nhà cung cấp có giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất
<b>CDNCC 31.4</b>	<p>Nhà cung cấp được xem xét, đề nghị trúng Gói cung cấp khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Có HSDXCC đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản HSMCC:</li> <li>2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) thấp nhất và không vượt giá dự toán gói cung cấp được duyệt.</li> </ol>
<b>CDNCC 34.1</b>	<p>Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: 0%</p> <p>Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: 0%</p>
<b>CDNCC 34.2</b>	- Chi phí dự phòng tối đa là 0%
<b>CDNCC 38.2</b>	<p>- Người có thẩm quyền: Ông Tổng Thanh Sơn</p> <p>+ Địa chỉ: Công ty cổ phần xi măng Tân Quang-VVMI, Tổ dân phố Tràng Đà 5, phường Nông Tiến, tỉnh Tuyên Quang.</p> <p>+ E-mail:</p> <p>- Bộ phận thường trực giúp việc Tổ tư vấn:</p> <p>+ Địa chỉ: Phòng KHVT, Công ty cổ phần xi măng Tân Quang-VVMI, Tổ dân phố Tràng Đà 5; phường Nông Tiến, tỉnh Tuyên Quang.</p> <p>+ E-mail:</p>
<b>CDNCC 39</b>	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát: Không có

### Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐXCC

#### Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của HSĐXCC

HSĐXCC của nhà cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm tham dự gói cung cấp không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 Chương I. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của . Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Bên mời NCC phát hành HSMCC; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Bên mời Nhà cung cấp (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 4A, Mẫu số 4B Chương IV). Đối với nhà cung cấp liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự gói cung cấp: bảo lãnh dự gói cung cấp điện tử hoặc bằng giấy.

2. Trường hợp nhà cung cấp liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự gói cung cấp theo Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự gói cung cấp, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

3. HSĐXCC của nhà cung cấp có hiệu lực đáp ứng yêu cầu quy định tại chương II.

4. Nhà cung cấp bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5, Chương I.

Nhà cung cấp có HSĐXCC hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

#### Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Nhà cung cấp phải cam kết được thực hiện cùng với đơn dự gói cung cấp khi nhà cung cấp nộp HSĐXCC.

##### 2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng số 01 Chương này. Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

**BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM**

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
		Nhà cung cấp độc lập	Nhà cung cấp liên danh	Từng thành viên liên danh	
TT	Mô tả	Yêu cầu			
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà cung cấp	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng gói cung cấp, nhà cung cấp không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà cung cấp.			Cam kết trong đơn dự gói cung cấp
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng gói cung cấp.			Cam kết trong đơn dự gói cung cấp
3	Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự	<p>Nhà cung cấp đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà cung cấp chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà cung cấp phụ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng gói cung cấp.</p> <p>Trong đó:                      Hợp đồng tương tự là:                      - Là hợp đồng cung cấp dịch vụ ăn uống cho các nhà máy sản xuất.                      - Có quy mô (giá trị) tối thiểu là: 1.271.197.233 VNĐ</p>			<p>Hợp đồng (bản sao công chứng/chứng thực), Biên bản nghiệm thu (bản sao công chứng/chứng thực), Hóa đơn GTGT</p>

Ghi chú: Nhà cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà cung cấp là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà cung cấp kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà cung cấp thì nhà cung cấp nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc
  - Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.
- Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà cung cấp (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1)

## 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu: *không yêu cầu*

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

#### Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt

HSDXCC được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt.

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
1	Yêu cầu chung.	Đáp ứng được yêu cầu nêu ở khoản 3.1, chương V	Đáp ứng được yêu cầu nêu ở khoản 3.1, chương V
2	Yêu cầu về sử dụng lao động.	Đáp ứng được yêu cầu nêu ở khoản 3.2, chương V	Không đáp ứng được yêu cầu nêu ở khoản 3.2, chương V
3	Yêu cầu kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm khi hành nghề.	Đáp ứng được yêu cầu nêu ở khoản 3.3, chương V	Không đáp ứng được yêu cầu nêu ở khoản 3.3, chương V
4	Yêu cầu kỹ thuật AT-VSLĐ	Đáp ứng được yêu cầu nêu ở khoản 3.4, chương V	Không đáp ứng được yêu cầu nêu ở khoản 3.4, chương V
5	Cập nhật các kiến thức chuyên ngành	Đáp ứng được yêu cầu nêu ở khoản 3.5, chương V	Không đáp ứng được yêu cầu nêu ở khoản 3.5, chương V

### Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

#### Áp dụng phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá đánh giá theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự gói cung cấp, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 CDNCC

Bước 3. Xếp hạng nhà cung cấp: HSDXCC có giá dự gói cung cấp, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

### Chương IV. BIỂU MẪU MỜI CUNG CẤP VÀ DỰ GÓI CUNG CẤP

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Bên mời NCC	Nhà cung cấp
1	Mẫu số 01B. Phạm vi cung cấp		X	
2	Mẫu số 02. Đơn dự gói cung cấp			X
3	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
4	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự gói cung cấp (áp dụng trong trường hợp nhà cung cấp độc lập)	Bản gốc		X
5	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự gói cung cấp (áp dụng trong trường hợp nhà cung cấp liên danh)			X
6	Mẫu số 11B. Bảng giá dự gói cung cấp (áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định)			X

**PHẠM VI CUNG CẤP***(áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)*

STT (1)	Danh mục dịch vụ (2)	Mô tả dịch vụ (3)	Khối lượng mỗi cung cấp (4)	Đơn vị tính (5)	Địa điểm thực hiện dịch vụ (6)	Ngày hoàn thành dịch vụ (7)
1	Cung cấp dịch vụ phục vụ bữa ăn ca giữa ca cho người lao động trong Công ty cổ phần xi măng Tân Quang - VVMI	Phục vụ bữa ăn giữa ca (ca1, ca2, ca3) cho người lao động	72.072	Suất	Công ty cổ phần xi măng Tân Quang-VVMI, TDP Trảng Đà 5, phường Nông Tiến, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam	12 tháng

**ĐƠN DỰ GÓI CUNG CẤP**

Ngày: \_\_\_ [NCC điền thông tin phù hợp]

Tên gói cung cấp: \_\_\_ [Ghi tên gói cung cấp]

Kính gửi: \_\_\_ [Điền tên, địa chỉ bên mời nhà cung cấp]

Sau khi nghiên cứu HSMCC, chúng tôi:

Tên nhà cung cấp: \_\_\_ [Ghi thông tin nhà cung cấp], Mã số thuế, cam kết thực hiện gói cung cấp \_\_\_ [NCC tên gói cung cấp] theo đúng yêu cầu nêu trong HSMCC với giá dự gói cung cấp (tổng số tiền) là \_\_\_ [NCC điền thông tin] cùng với các bảng giá dự gói cung cấp kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự gói cung cấp với tỷ lệ phần trăm giảm giá là \_\_\_ [Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có].

Giá dự gói cung cấp sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: \_\_\_ [NCC điền thông tin phù hợp] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của HSDXCC: \_\_\_ [Ghi số ngày hiệu lực của HSDXCC] kể từ ngày đóng gói cung cấp [Ghi ngày đóng gói cung cấp]

Bảo đảm dự gói cung cấp: \_\_\_ [ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự gói cung cấp]

Hiệu lực của Bảo đảm dự gói cung cấp: \_\_\_ [ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng gói cung cấp.]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà cung cấp là hộ kinh doanh);

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong lựa chọn nhà cung cấp;

3. Đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng gói cung cấp;

4. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng gói cung cấp, nhà cung cấp không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà cung cấp.

5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

6. Không có tên trong danh sách các nhà cung cấp bị cấm tham gia quá trình TKV, Tổng công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV-CTCP và Cổ phần xi măng Tân Quang-VVMI lựa chọn nhà cung cấp;

7. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà cung cấp là hộ kinh doanh);
8. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói cung cấp này;
9. Những thông tin kê khai trong HSDXCC là trung thực;
10. Trường hợp trúng gói cung cấp, HSDXCC và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDXCC tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết;
11. Nếu HSDXCC của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 Chương I của HSMCC;
12. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói cung cấp;

**Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp**

*(ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

**THỎA THUẬN LIÊN DANH**

Ngày: \_\_\_ [NCC điền thông tin phù hợp]

Gói cung cấp: \_\_\_ [NCC ghi tên gói cung cấp]

Căn cứ \_\_\_ [NCC điền thông tin phù hợp]

Căn cứ \_\_\_ [NCC điền thông tin phù hợp]

Căn cứ HSMCC: [NCC ghi tên gói cung cấp]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh thứ nhất:** \_\_\_ [NCC điền thông tin phù hợp]

Mã số thuế: \_\_\_ [NCC điền thông tin phù hợp]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

**Tên thành viên liên danh thứ hai:** \_\_\_ [NCC điền thông tin phù hợp]

Mã số thuế: \_\_\_ [NCC điền thông tin phù hợp]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

**Tên thành viên liên danh thứ n:** \_\_\_ [NCC điền thông tin phù hợp]

Mã số thuế: \_\_\_ [NCC điền thông tin phù hợp]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

**Điều 1. Nguyên tắc chung**

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự gói cung cấp \_\_\_ [Ghi tên gói cung cấp].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói cung cấp này là: \_\_\_ [ghi tên của liên danh].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà cung cấp khác để tham gia gói cung cấp này. Trường hợp trúng gói cung cấp, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Bên mời NCC theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác \_\_\_\_ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

## **Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói cung cấp \_\_\_\_ [Ghi tên gói cung cấp] đối với từng thành viên như sau:

### 1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công \_\_\_\_ [Ghi tên thành viên lập liên danh] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau<sup>(2)</sup>:

- Đại diện đề nộp HSDXCC cho cả liên danh.

*[-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời Nhà cung cấp trong quá trình tham dự gói cung cấp, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSDXCC hoặc văn bản đề nghị rút HSDXCC;*

- Thực hiện bảo đảm dự gói cung cấp cho cả liên danh;
- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng \_\_\_\_ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây <sup>(3)</sup>:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự gói cung cấp
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- ____ - ____	- ____% - ____%
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____% - ____%
....	....	....	.....
<b>Tổng cộng</b>		<b>Toàn bộ công việc của gói cung cấp</b>	<b>100%</b>

### **Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh**

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
  2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
    - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
    - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
    - Nhà cung cấp liên danh không trúng gói cung cấp;
    - Hủy gói cung cấp \_\_\_\_ [Ghi tên gói cung cấp] thuộc dự án/ dự toán mua sắm \_\_\_\_ [Ghi tên gói cung cấp] theo thông báo của Bên mời NCC.
- Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

### **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH**

*(ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

### **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH**

*(ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

- (1) Ghi căn cứ là văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
- (2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.
- (3) Nhà cung cấp phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự gói cung cấp theo Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự gói cung cấp, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

**BẢO LÃNH DỰ GÓI CUNG CẤP(1)***(áp dụng đối với nhà cung cấp độc lập)*

**Bên thụ hưởng:** \_\_\_ [ghi tên và địa chỉ của Bên mời NCC quy định tại Mục 1.1 BDL hoặc tên Bên mời Nhà cung cấp quy định tại Mục 5.1 BDL]

**Ngày phát hành bảo lãnh:** \_\_\_ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

**BẢO LÃNH DỰ GÓI CUNG CẤP SỐ:** \_\_\_ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự gói cung cấp].

**Bên bảo lãnh:** \_\_\_ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng \_\_\_ [ghi tên nhà cung cấp] (sau đây gọi là “Nhà cung cấp”) sẽ tham dự gói cung cấp để thực hiện gói cung cấp \_\_\_ [ghi tên gói cung cấp].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà cung cấp bằng một khoản tiền là \_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_<sup>(2)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_<sup>(3)</sup>.

Theo yêu cầu của nhà cung cấp, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết<sup>(4)</sup> sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là \_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà cung cấp trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng gói cung cấp, và trong thời gian có hiệu lực của HSDXCC, nhà cung cấp có văn bản rút HSDXCC hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDXCC theo yêu cầu của HSMCC;

2. Nhà cung cấp có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà cung cấp không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng.

5. Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng gói cung cấp của bên mời Nhà cung cấp, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà cung cấp trúng gói cung cấp, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà cung cấp ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà cung cấp không trúng gói cung cấp, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà cung cấp hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của HSDXCC, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp bảo lãnh dự gói cung cấp vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại CDNCC, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Bên mời NCC phát hành HSMCC, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời NCC thì bảo lãnh dự gói cung cấp được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự gói cung cấp này là bảo lãnh dự gói cung cấp không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói cung cấp có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Bên mời NCC trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự gói cung cấp khi nhà cung cấp vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự gói cung cấp, Bên mời NCC có thể yêu cầu nhà cung cấp cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự gói cung cấp đã nộp trong HSDXCC là bảo lãnh dự gói cung cấp không hủy ngang.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 Chương II

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng gói cung cấp. theo quy định tại HSMCC

(4) Trường hợp bảo lãnh dự gói cung cấp thiếu một hoặc một số nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Bên mời NCC theo quy định tại Mục 18.3 Chương I và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

**BẢO LÃNH DỰ GÓI CUNG CẤP***(áp dụng đối với nhà cung cấp liên danh)*

**Bên thụ hưởng:** \_\_\_ [ghi tên và địa chỉ của Bên mời NCC quy định tại Mục 1.1 Chương II]

**Ngày phát hành bảo lãnh:** \_\_\_ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

**BẢO LÃNH DỰ GÓI CUNG CẤP số:** \_\_\_ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự gói cung cấp]

**Bên bảo lãnh:** \_\_\_ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng \_\_\_ [ghi tên nhà cung cấp]<sup>(2)</sup> (sau đây gọi là “Nhà cung cấp”) sẽ tham dự gói cung cấp để thực hiện gói cung cấp \_\_\_ [ghi tên gói cung cấp].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà cung cấp tham dự gói cung cấp gói cung cấp này bằng một khoản tiền là \_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_<sup>(3)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_<sup>(4)</sup>.

Theo yêu cầu của nhà cung cấp, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết<sup>(5)</sup> sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là \_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà cung cấp trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng gói cung cấp, và trong thời gian có hiệu lực của HSDXCC, nhà cung cấp có văn bản rút HSDXCC hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDXCC theo yêu cầu của Hồ sơ mời cung cấp;

2. Nhà cung cấp có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy Gói cung cấp theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà cung cấp không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng gói cung cấp của bên mời Nhà cung cấp, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh \_\_\_\_\_ [ghi đầy đủ tên của nhà cung cấp liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự gói cung cấp theo quy định tại CDNCC thì bảo đảm dự gói cung cấp của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp nhà cung cấp trúng gói cung cấp, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi nhà cung cấp ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp nhà cung cấp không trúng gói cung cấp, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp hoặc trong vòng 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của HSĐXCC, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

#### **Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự gói cung cấp vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại CDNCC, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Bên mời NCC phát hành HSMCC, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời NCC thì bảo lãnh dự gói cung cấp được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự gói cung cấp này là bảo lãnh dự gói cung cấp không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói cung cấp có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Bên mời NCC trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự gói cung cấp khi nhà cung cấp vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự gói cung cấp, Bên mời NCC có thể yêu cầu nhà cung cấp cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự gói cung cấp đã nộp trong HSĐXCC là bảo lãnh dự gói cung cấp không hủy ngang.

(2) Tên nhà cung cấp có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà cung cấp liên danh, ví dụ nhà cung cấp liên danh A + B tham dự gói cung cấp thì tên nhà cung cấp ghi là “Nhà cung cấp liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự gói cung cấp cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà cung cấp liên danh A + B + C tham dự gói cung cấp, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà cung cấp A thực hiện bảo đảm dự gói cung cấp cho cả liên danh thì tên nhà cung cấp ghi là “nhà cung cấp A (thay mặt cho nhà cung cấp liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà cung cấp B thực hiện bảo đảm dự gói cung cấp cho nhà cung cấp B và C thì tên nhà cung cấp ghi là “Nhà cung cấp B (thay mặt cho nhà cung cấp B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự gói cung cấp.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 Chương II.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng gói cung cấp. theo quy định tại E-TBMT.

(5) Trường hợp bảo lãnh dự gói cung cấp thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là có điều kiện gây bất lợi cho Bên mời NCC theo quy định tại Mục 18.3 Chương I, và thư bảo lãnh được coi không hợp lệ.

**BẢNG GIÁ DỰ GÓI CUNG CẤP**  
(áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời cung cấp	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Cung cấp dịch vụ phục vụ bữa ăn ca giữa ca cho người lao động trong Công ty cổ phần xi măng Tân Quang - VVMI	Như mô tả tại chương V, HSMCC	72.072	Suất		
<b>Tổng hợp giá dự gói cung cấp (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))</b>						

Ghi chú:

- Cột (6): Nhà cung cấp điền đơn giá cung cấp dịch vụ. Đơn giá nhà cung cấp chào phải bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói cung cấp, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự gói cung cấp, nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng gói cung cấp theo quy định.

## **Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

#### **1. Giới thiệu chung gói cung cấp:**

Công ty cổ phần xi măng Tân Quang-VVMI có địa chỉ tại Tổ dân phố Tràng Đà 5, phường Nông Tiến, tỉnh Tuyên Quang có ngành nghề chính là sản xuất xi măng

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty hiện nay là 313 người được chia thành 02 khu vực. Khu vực văn phòng và khu vực sản xuất. Để phù hợp Công ty đang tổ chức nấu ăn ca tại hai địa điểm: Bếp khu vực văn phòng nấu 01 bữa trưa cho toàn bộ CBCNV khu vực văn phòng vào những ngày đi làm từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (05 bữa /tuần), mỗi bữa có khoảng 25-35 người ăn. Bếp ăn khu vực sản xuất nấu ăn cho bộ phận trực tiếp đi ca được chia làm 3 ca /ngày, 7 ngày /tuần, mỗi ca có từ 55 - 80 người ăn. Để đảm bảo chế độ cho người lao động Công ty thuê dịch vụ phục vụ bữa ăn giữa ca người lao động.

#### **2. Phạm vi cung cấp:**

Thực hiện theo phương án số 464/PA-CTQ, ngày 20/3/2026

- Nấu ăn phục vụ bữa ăn giữa ca của người lao động (thực phẩm chế biến 20.000 đồng/suất); dự kiến tổng số suất ăn trong 01 năm là 72.072 suất, thời hạn thực hiện của Hợp đồng là 12 tháng.

- Vận chuyển thực phẩm chín, cung cấp suất ăn ca tới nơi làm việc tại các vị trí yêu cầu không được rời khỏi vị trí làm việc để đi ăn giữa ca (như trực trạm điện, vận hành trung tâm...) bằng xe máy. .

- Địa điểm thực hiện: Tại công ty cổ phần xi măng Tân Quang-VVMI, Tổ dân phố Tràng Đà 5, phường Nông Tiến, tỉnh Tuyên Quang.

#### **3. Yêu cầu thực hiện:**

##### **3.1. Yêu cầu chung.**

- Có giấy phép kinh doanh về ăn uống và có đủ điều kiện hành nghề theo quy định của pháp luật.

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định của Luật An toàn vệ sinh thực phẩm.

- Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở.

- Có trách nhiệm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật hiện hành, cung cấp suất ăn ca đủ chất và lượng cho người lao động, phải lưu mẫu thực phẩm tại nơi chế biến thực phẩm ở bếp nấu ăn ca đúng quy định.

- Tự chuẩn bị chất đốt (than đun, khí gas...), để chế biến các suất cơm ca và tự chịu trách nhiệm về công tác phòng chống cháy nổ tại nơi nấu ăn ca.

- Tự mua sắm thêm dụng cụ cần thiết để phục vụ công việc.

- Trả tiền điện sử dụng hàng tháng cho công ty.

- Tuân thủ tất cả các quy định về công tác AT-VSLĐ, PCCN, bảo vệ môi trường của Pháp luật hiện hành và của Công ty cổ phần xi măng Tân Quang.

- Thường xuyên quan tâm tới sự an toàn cho tất cả người lao động do Nhà cung cấp quản lý.

- Trang cấp đầy đủ, đúng quy định các phương tiện bảo vệ cá nhân, phương tiện sơ cấp cứu và dụng cụ kỹ thuật an toàn khác cho người lao động sử dụng trong quá trình làm việc.

- Thực hiện các biện pháp hợp lý để đảm bảo an toàn và sức khỏe cho người lao động; để bảo vệ môi trường, hạn chế thiệt hại, ảnh hưởng tới con người do ô nhiễm và các hoạt động khác do Nhà cung cấp gây ra.

- Đảm bảo các điều kiện hoạt động dịch vụ nấu ăn theo quy định của Pháp luật hiện hành.

- Phân công cụ thể cá nhân phụ trách công tác AT-VSLĐ của đơn vị để đơn đốc, kiểm tra và giám sát người lao động chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về công tác AT-VSLĐ, PCCN, bảo vệ môi trường; phòng tránh tai nạn, sự cố.

- Sử dụng lương thực, thực phẩm có nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Đảm bảo rằng các rác thải, phế thải từ hoạt động của Nhà cung cấp phải được thu gom, quản lý theo đúng quy định của Công ty cổ phần xi măng Tân Quang và của Pháp luật hiện hành.

- Tuân thủ các nội quy, quy định của Pháp luật hiện hành về việc sử dụng các dụng cụ, phương tiện làm việc.

- Thực hiện khám sức khỏe, huấn luyện an toàn cho người lao động theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành đối với ngành nghề ăn uống.

- Chịu sự kiểm tra, giám sát thường xuyên của Công ty cổ phần xi măng Tân Quang trong công tác AT-VSLĐ, PCCN, bảo vệ môi trường.

- Không bố trí những người mắc bệnh truyền nhiễm, bệnh da liễu, bệnh xã hội vào làm việc.

- Nếu xảy ra tai nạn lao động trong quá trình làm việc (trong khu vực của Công ty cổ phần xi măng Tân Quang-VVMI), Nhà cung cấp phải báo ngay cho Công ty bằng văn bản hoặc báo trực tiếp. Nhà cung cấp có trách nhiệm cung cấp các chi tiết, hồ sơ về tai nạn sau khi xảy ra tai nạn.

- Nhà cung cấp phải tự chịu trách nhiệm do không thực hiện các quy định theo yêu cầu của Pháp luật hiện hành.

- Khu vực làm việc, dụng cụ nấu ăn phải luôn được vệ sinh sạch sẽ, sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp.

### **3.2. Yêu cầu đối với người lao động thực hiện công việc nấu ăn.**

- Phải được đào tạo chuyên môn; được huấn luyện, cấp giấy chứng nhận về an toàn vệ sinh thực phẩm; có đủ sức khỏe theo quy định.

- Được huấn luyện an toàn, kiểm tra sát hạch đạt yêu cầu theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành.

- Trong khi làm việc phải sử dụng đầy đủ, đúng quy định các trang bị bảo hộ lao động đã được cấp phát; quần áo, mũ phải gọn gàng, sạch sẽ, vệ sinh.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nấu ăn phải tuân thủ các yêu cầu về công tác ATVSTP.

- Không được tự ý đi lại, ra vào các khu vực sản xuất, nhà xưởng khi không được phân công làm việc.

- Tuân thủ các nội quy, quy định của Pháp luật hiện hành về việc sử dụng các dụng cụ, phương tiện làm việc.

Về điều kiện sức khỏe: Không mắc các bệnh có thể là nguồn nhiễm bản thực phẩm, gồm các bệnh truyền nhiễm, ngoài da dễ lây lan, bệnh truyền qua đường tiếp xúc, tiêu hóa, hô hấp.

Vệ sinh cá nhân:

+ Trang phục: thực hiện quy định về bảo hộ lao động trong quá trình chế biến cấp phát bữa ăn ca.

+ Rửa tay bằng xà phòng hoặc chất khử trùng trước khi vào khu chế biến.

+ Không khạc nhổ, ăn uống, hút thuốc, ho, nói to...trong khu vực chế biến trực tiếp.

+ Không mang, mặc đồ dùng cá nhân vào khu vực chế biến.

+ Có ý thức trách nhiệm về nhiệm vụ và hành vi tại vị trí làm việc và trong cơ sở.

### **3.3. Yêu cầu kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm khi hành nghề.**

- Cá nhân trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải có Giấy chứng nhận đã được tập huấn kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm phù hợp với từng ngành nghề sản xuất, kinh doanh.

- Những người có bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng y, dược chuyên khoa Vệ sinh thực phẩm, Dịch tễ, Dinh dưỡng; bằng tốt nghiệp Đại học hoặc Cao đẳng - khoa Công nghệ thực phẩm khi trực tiếp tham gia sản xuất, kinh doanh thực phẩm không cần có Giấy chứng nhận đã được tập huấn kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm.

### **4.4. Yêu cầu đánh giá về mặt kỹ thuật AT-VSLĐ.**

- Nơi làm việc:

+ Hệ thống cửa ra vào, cửa sổ, tay nắm cửa, cửa chớp, cửa kính, gờ cửa sạch sẽ, không có: Bụi, vết bẩn bám.

+ Tường, trần, chân tường, gờ tường, các vách ngăn, cầu thang sạch sẽ, không có: vết bẩn, mạng nhện, bụi.

+ Sàn nhà sạch, khô ráo, không có: mùi tanh, vết bẩn bám.

- Đồ đạc (bàn, ghế, tủ, quạt, nồi, chậu, bát, đĩa, dao, thớt...) sạch sẽ, gọn gàng, không có: Bụi bám, vết bẩn; không có mùi tanh, mùi hôi, tồn đọng hóa chất.

- Nước ăn, nước uống không có: bụi, rác, rêu bám, vết bẩn tại nơi góc khuất.

- Thùng chứa rác không để lâu, không có mùi hôi, để ở vị trí phù hợp, đổ hàng ngày.

- Bàn ăn, đồ dùng, đồ đựng thức ăn, sạch sẽ, khô ráo, không để đồ bẩn trên bàn, trên ghế.

- Chịu trách nhiệm bảo quản, giữ gìn các trang bị của Công ty cổ phần xi măng Tân Quang cấp (nếu có).

### **3.5. Cập nhật các kiến thức chuyên ngành.**

- Người đã có Giấy chứng nhận đã được tập huấn kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm, hàng năm phải tham gia tập huấn để cập nhật các kiến thức chuyên ngành, cụ thể cho từng ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

- Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có trách nhiệm tạo điều kiện cho người trực tiếp sản xuất, kinh doanh tham gia tập huấn hàng năm; đồng thời phải có sổ theo dõi việc tập huấn nói trên. Sổ theo dõi phải có sự xác nhận của cơ quan giảng dạy.

#### **4. Giải pháp và phương pháp luận:**

*Nhà cung cấp chuẩn bị đề xuất giải pháp thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương V, gồm các phần như sau:*

1. Giải pháp và phương pháp luận (biện pháp thi công);
2. Kế hoạch công tác.

#### **5. Tài liệu kèm theo:**

- Phương án 464/PA-CTQ, ngày 20/3/2026, phương án Thuê ngoài phục vụ bữa ăn ca năm 2026;

**Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**  
**Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG**

<p><b>1. Định nghĩa</b></p>	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. "Bên mời NCC" là tổ chức được quy định tại <b>ĐKCT</b>;</p> <p>1.2. "Hợp đồng" là thỏa thuận giữa Bên mời NCC và Nhà cung cấp, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.3. "Nhà cung cấp" là Nhà cung cấp trúng gói cung cấp (có thể là Nhà cung cấp độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại <b>ĐKCT</b>;</p> <p>1.4. "Nhà cung cấp phụ" là nhà cung cấp có tên trong danh sách các nhà cung cấp phụ do Nhà cung cấp đề xuất trong HSDXCC và được Nhà cung cấp ký hợp đồng để thực hiện một phần công việc của gói cung cấp;</p> <p>1.5. "Tài liệu Hợp đồng" là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.6. "Giá hợp đồng" là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp dịch vụ. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuê, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. "Ngày" là ngày dương lịch; tháng là tháng dương lịch;</p> <p>1.8. "Dịch vụ phi tư vấn" bao gồm một hoặc một số hoạt động: logistics, bảo hiểm, quảng cáo, lắp đặt, nghiệm thu chạy thử, tổ chức đào tạo, bảo trì, bảo dưỡng, vẽ bản đồ và hoạt động khác không phải là dịch vụ tư vấn quy định tại khoản 8 Điều 4 Luật Đấu thầu;</p> <p>1.10. "Hoàn thành" là việc Nhà cung cấp hoàn tất các nội dung công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;</p> <p>1.11. "Địa điểm cung cấp dịch vụ" là địa điểm được quy định tại <b>ĐKCT</b>;</p> <p>1.12. "Bên" là Bên mời NCC hoặc Nhà cung cấp, tùy từng trường hợp.</p>
<p><b>2. Tài liệu hợp đồng và thứ tự ưu tiên</b></p>	<p>2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.</p> <p>2.2. Các tài liệu cấu thành hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;</li> <li>b) Biên bản hoàn thiện hợp đồng;</li> <li>c) Thư chấp thuận HSDXCC và trao hợp đồng;</li> <li>d) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp;</li> <li>đ) ĐKCT;</li> </ul>

	<p>e) ĐKC;</p> <p>g) HSDXCC và các văn bản làm rõ HSDXCC của Nhà cung cấp;</p> <p>h) HSMCC và các tài liệu sửa đổi HSMCC (nếu có);</p> <p>i) Các tài liệu khác quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p>
<b>3. Luật và ngôn ngữ</b>	<p>3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam;</p> <p>3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>
<b>4. Thông báo</b>	<p>4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại <b>ĐKCT</b>. Thuật ngữ “bằng văn bản” có nghĩa là hình thức truyền đạt thông tin dưới dạng viết và có bằng chứng về việc tiếp nhận thông tin.</p> <p>4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>
<b>5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</b>	<p>5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Bên mời NCC không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận HSDXCC và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng một hoặc các hình thức sau:</p> <p>a) Đặt cọc bằng Séc bảo chi đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị dưới 50 triệu đồng và thời gian có hiệu lực của Séc bảo chi phù hợp với thời gian thực hiện gói cung cấp;</p> <p>b) Nộp thu bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;</p> <p>c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.</p> <p>Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm b và điểm c Mục này là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo mẫu quy định tại Chương VIII hoặc một mẫu khác được Bên mời NCC chấp thuận.</p> <p>5.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p> <p>5.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên mời NCC để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Nhà cung cấp không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng.</p> <p>5.4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p>
<b>6. Ký hợp đồng thầu phụ</b>	<p>6.1. Nhà cung cấp được ký kết hợp đồng với các nhà cung cấp phụ trong danh sách các nhà cung cấp phụ quy định tại <b>ĐKCT</b> để thực hiện một phần công việc nêu trong HSDXCC. Việc sử dụng nhà cung cấp phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà cung</p>

	<p>cấp. Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm trước Bên mời NCC về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà cung cấp phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà cung cấp phụ trong danh sách các nhà cung cấp phụ nêu trong HSDXCC hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong HSDXCC chỉ được thực hiện khi được Bên mời NCC, tư vấn giám sát chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà cung cấp phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng nhà cung cấp phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà cung cấp trong thực hiện hợp đồng, nhà cung cấp phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà cung cấp;</p> <p>6.2. Giá trị công việc mà các nhà cung cấp phụ quy định tại Mục 6.1 ĐKC thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng quy định tại ĐKCT.</p> <p>6.3. Nhà cung cấp có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà cung cấp phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà cung cấp và nhà cung cấp phụ. Nhà cung cấp không được sử dụng nhà cung cấp phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà cung cấp phụ nêu trong HSDXCC.</p> <p>6.4. Yêu cầu khác về nhà cung cấp phụ quy định tại ĐKCT.</p>
<p><b>7. Phạm vi cung cấp</b></p>	<p>Dịch vụ phi tư vấn sẽ được cung cấp theo quy định tại Chương IV được đính kèm thành Phụ lục và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại dịch vụ mà Nhà cung cấp phải cung cấp và đơn giá của các loại dịch vụ đó.</p>
<p><b>8. Tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn</b></p>	<p>Tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn và thời gian dự kiến hoàn thành phải được thực hiện theo quy định tại Mẫu số 10 Chương IV.</p>
<p><b>9. Trách nhiệm của Nhà cung cấp</b></p>	<p>Nhà cung cấp phải cung cấp dịch vụ phi tư vấn trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 7 ĐKC và theo tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn và lịch hoàn thành quy định tại Mục 8 ĐKC.</p>
<p><b>10. Loại hợp đồng và giá hợp đồng</b></p>	<p>10.1. Loại hợp đồng theo quy định tại ĐKCT.</p> <p>10.2. Giá hợp đồng được ghi tại ĐKCT là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp dịch vụ phi tư vấn của gói cung cấp nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói cung cấp.</p>
<p><b>11. Điều chỉnh thuế</b></p>	<p>Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại ĐKCT.</p>
<p><b>12. Tạm ứng</b></p>	<p>12.1. Bên mời NCC phải cấp cho Nhà cung cấp khoản tiền tạm ứng theo quy định tại ĐKCT, sau khi Nhà cung cấp nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị</p>

	<p>của bảo lãnh tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà cung cấp hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng.</p> <p>12.2. Nhà cung cấp chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà cung cấp phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Bên mời NCC.</p>
<p><b>13. Thanh toán</b></p>	<p>13.1. Yêu cầu thanh toán của Nhà cung cấp phải được gửi cho Bên mời NCC bằng văn bản, kèm theo hóa đơn mô tả dịch vụ đã thực hiện khi đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ khác quy định trong hợp đồng. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại <b>ĐKCT</b>. Trường hợp Bên mời NCC thanh toán chậm, Nhà cung cấp sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày mà lẽ ra phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND.</p> <p>13.2. Việc giảm trừ thanh toán trên cơ sở chất lượng dịch vụ thực hiện theo quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p> <p>13.3. Đồng tiền thanh toán là: VND.</p>
<p><b>14. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng</b></p>	<p>14.1. Bên mời NCC và Nhà cung cấp phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà cung cấp có thể chuyển cho nhà cung cấp phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Bên mời NCC cung cấp để nhà cung cấp phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà cung cấp phụ phải có cam kết với Nhà cung cấp về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.</p> <p>14.2. Bên mời NCC không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà cung cấp cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà cung cấp không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Bên mời NCC cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.</p> <p>14.3. Nghĩa vụ của Bên mời NCC và Nhà cung cấp quy định tại Mục 14.1 ĐKC và Mục 14.2 ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Thông tin mà Bên mời NCC hoặc Nhà cung cấp cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;</li> <li>b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Bên mời NCC hoặc Nhà cung cấp;</li> <li>c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và</li> </ul>

	<p>trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;</p> <p>d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.</p> <p>14.4. Các quy định tại Mục 14 ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ.</p> <p>14.5. Các quy định tại Mục 14 ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.</p>
<p><b>15. Phạt và bồi thường thiệt hại</b></p>	<p>Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại ĐKCT.</p>
<p><b>16. Bất khả kháng</b></p>	<p>16.1. Nhà cung cấp không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.</p> <p>16.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi sự việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cần trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.</p> <p>16.3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.</p> <p>16.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p><i>Nhà cung cấp bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.</i></p> <p>16.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng</p>

	<p>thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.</p>
<p><b>17. Sửa đổi hợp đồng</b></p>	<p>17.1 Việc sửa đổi hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Bổ sung hạng mục công việc cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;</li> <li>b) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;</li> <li>c) Các nội dung khác quy định tại <b>ĐKCT</b>.</li> </ul> <p>17.2. Bên mời NCC và Nhà cung cấp sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng trong trường hợp sửa đổi hợp đồng.</p> <p>17.3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Nhà cung cấp có thể đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Nội dung giải pháp, giải thích sự khác biệt so với các yêu cầu theo hợp đồng đã ký kết.</li> <li>b) Phân tích toàn diện chi phí và lợi ích của giải pháp bao gồm mô tả và ước tính các chi phí (bao gồm cả chi phí vòng đời, nếu có) có thể phát sinh cho Bên mời NCC.</li> <li>c) Tác động của giải pháp đối với hiệu quả thực hiện hợp đồng.</li> </ul> <p>17.4. Bên mời NCC có thể chấp thuận đề xuất của Nhà cung cấp nếu đề xuất này chứng minh được một trong các lợi ích dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Rút ngắn thời gian thực hiện dịch vụ;</li> <li>b) Giảm giá hợp đồng hoặc chi phí vòng đời cho Bên mời NCC;</li> <li>c) Nâng cao chất lượng, hiệu quả, an toàn hoặc tính bền vững của dịch vụ;</li> <li>d) Bất kỳ lợi ích nào khác cho Bên mời NCC.</li> </ul> <p>Trường hợp đề xuất của Nhà cung cấp được Bên mời NCC chấp thuận và làm giảm giá hợp đồng, Bên mời NCC thanh toán cho Nhà cung cấp theo tỷ lệ quy định tại <b>ĐKCT</b> đối với phần giá trị giảm giá hợp đồng.</p> <p>Trường hợp đề xuất của Nhà cung cấp được Bên mời NCC chấp thuận và làm tăng giá hợp đồng nhưng giảm chi phí vòng đời do tác động của các yếu tố quy định tại các điểm a, b, c và d Mục này, Bên mời NCC thanh toán cho Nhà cung cấp theo phần giá trị tăng giá hợp đồng.</p>
<p><b>18. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng</b></p>	<p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà cung cấp trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</li> <li>b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp,</li> </ul>

	<p>thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng;</p> <p>c) Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho Bên mời NCC;</p> <p>d) Việc bàn giao mặt bằng không đúng với thỏa thuận trong hợp đồng, tạm dừng hợp đồng do lỗi của Bên mời NCC ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu;</p> <p>đ) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Bên mời NCC, nhà cung cấp;</p> <p>e) Các trường hợp khác quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p> <p>Khi điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành mà không vượt thời gian thực hiện hợp đồng thì Bên mời NCC và nhà cung cấp thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh; trường hợp vượt thì Bên mời NCC và nhà cung cấp chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh sau khi được người có thẩm quyền cho phép.</p>
<p><b>19. Chấm dứt hợp đồng</b></p>	<p>19.1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm</p> <p>a) Bên mời NCC có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà cung cấp về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau:</p> <p>(i) Nhà cung cấp không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên mời NCC gia hạn;</p> <p>(ii) Nhà cung cấp không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng;</p> <p>(iii) Nhà cung cấp bị mất khả năng thanh toán hoặc phá sản;</p> <p>(iv) Có bằng chứng cho thấy Nhà cung cấp đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng;</p> <p>b) Trong trường hợp Bên mời NCC chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 19.1 ĐKC, Bên mời NCC có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà cung cấp sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên mời NCC những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Nhà cung cấp vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm đối với phần hợp đồng do mình thực hiện.</p> <p>c) Nhà cung cấp có thể chấm dứt hợp đồng bằng cách gửi văn bản thông báo cho Bên mời NCC trong vòng ba mươi (30) ngày trong các trường hợp sau đây:</p> <p>- Nếu Bên mời NCC không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào phải trả cho Nhà cung cấp theo Hợp đồng và không có tranh chấp theo Mục 22 ĐKC về việc này trong vòng sáu mươi (60) ngày sau khi</p>

	<p>nhận được thông báo bằng văn bản của Nhà cung cấp về việc quá hạn thanh toán.</p> <p>- Nếu vì lý do bất khả kháng, trong thời gian không dưới sáu mươi (60) ngày, nhà cung cấp không thể thực hiện được hợp đồng.</p> <p>19.2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán</p> <p>Trường hợp Nhà cung cấp phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Bên mời NCC có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà cung cấp. Trong trường hợp đó, hợp đồng sẽ chấm dứt và Nhà cung cấp không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Bên mời NCC trước đó hoặc sau đó.</p>
<p><b>20. Phát hiện và khắc phục sai sót</b></p>	<p>20.1. Bên mời NCC thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như quy định tại <b>ĐKCT</b>. Bên mời NCC có thể hướng dẫn Nhà cung cấp tự đánh giá và phát hiện sai sót, kiểm tra nội dung công việc mà Bên mời NCC cho rằng có thể có sai sót. Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót được quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p> <p>20.2. Trường hợp phát sinh sai sót trong quá trình Nhà cung cấp cung cấp dịch vụ phi tư vấn, trước khi kết thúc hợp đồng, Bên mời NCC thông báo cho Nhà cung cấp về các sai sót cần khắc phục. Khi nhận được thông báo của Bên mời NCC, Nhà cung cấp có trách nhiệm kịp thời khắc phục sai sót trong khoảng thời gian hợp lý mà Bên mời NCC quy định trong thông báo. Trường hợp Nhà cung cấp không khắc phục xong sai sót trong khoảng thời gian cho phép, Bên mời NCC sẽ đánh giá chi phí cần thiết để khắc phục sai sót và yêu cầu Nhà cung cấp thanh toán, đồng thời phạt thực hiện hợp đồng đối với Nhà cung cấp như quy định tại Mục 15.</p>
<p><b>21. Nhân sự</b></p>	
<p><b>22. Giải quyết tranh chấp</b></p>	<p>22.1. Bên mời NCC và Nhà cung cấp có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.</p> <p>22.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định quy định tại <b>ĐKCT</b> kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p>



## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ ĐKCT phải được Bên mời Nhà cung cấp ghi đầy đủ trước khi phát hành HSMCC.

<b>ĐKC 1.1</b>	Bên mời NCC là: Công ty cổ phần xi măng Tân Quang – VVMI Địa chỉ: Tổ dân phố Tràng Đà 5, phường Nông Tiến, tỉnh Tuyên Quang.
<b>ĐKC 1.3</b>	Nhà cung cấp: _____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà cung cấp trúng gói cung cấp].
<b>ĐKC 1.11</b>	Địa điểm cung cấp dịch vụ là: Công ty cổ phần xi măng Tân Quang – VVMI. Địa chỉ: Tổ dân phố Tràng Đà 5, phường Nông Tiến, tỉnh Tuyên Quang.
<b>ĐKC 2.2 (i)</b>	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: _____ [liệt kê tài liệu].
<b>ĐKC 4.1</b>	Các thông báo cần gửi về Bên mời NCC theo địa chỉ dưới đây: Người nhận: Phòng KHVT Địa chỉ: Công ty cổ phần xi măng Tân Quang – VVMI Tổ dân phố Tràng Đà 5, phường Nông Tiến, tỉnh Tuyên Quang.
<b>ĐKC 5.2</b>	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng.
<b>ĐKC 5.4</b>	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: 14 ngày
<b>ĐKC 10.1</b>	Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định
<b>ĐKC 11</b>	Điều chỉnh thuế: <i>được phép. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà cung cấp xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</i>
<b>ĐKC 12.1</b>	Tạm ứng: _____ [ghi số tiền tạm ứng, các chứng từ để tạm ứng, phương thức tạm ứng... phù hợp quy định của pháp luật. Trong trường hợp cần thiết, có thể yêu cầu Nhà cung cấp xuất trình bảo lãnh tiền tạm ứng theo Mẫu số 15 Chương VIII].
<b>ĐKC 13.1</b>	Phương thức thanh toán: _____ [căn cứ tính chất và yêu cầu của gói cung cấp mà quy định cụ thể nội dung này. Việc thanh toán cho Nhà cung cấp có thể quy định thanh toán bằng tiền mặt, chuyển khoản... số lần thanh toán là nhiều lần trong quá trình thực hiện hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng. Thời hạn thanh toán có thể

	<i>quy định thanh toán ngay hoặc trong vòng không quá một số ngày nhất định kể từ khi Nhà cung cấp xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật]</i>
<b>ĐKC 13.2</b>	Giảm trừ thanh toán: Theo quy định của Hợp đồng.
<b>ĐKC 15</b>	Bồi thường thiệt hại: Áp dụng Trường hợp áp dụng bồi thường thiệt hại thì quy định về bồi thường thiệt hại theo cách thức như sau: Bên B phải chịu phạt 8% giá trị hợp đồng cho mỗi tháng chậm tiền độ theo quy định của Hợp đồng
<b>ĐKC 17.1(c)</b>	Các nội dung khác về sửa đổi hợp đồng: Theo quy định của Hợp đồng
<b>ĐKC 17.4</b>	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Bên mời NCC chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Bên mời NCC thanh toán cho Nhà cung cấp: 49 % giá trị tiết kiệm chi phí
<b>ĐKC 18 (e)</b>	Các trường hợp khác: Theo quy định của Hợp đồng
<b>ĐKC 20.1</b>	Bên mời NCC thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như sau: Như quy định tại chương V, HSMCC Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót: 03 ngày
<b>ĐKC 21.2</b>	Thời gian Nhà cung cấp thực hiện việc thay thế nhân sự: 03 ngày
<b>ĐKC 22.2</b>	- Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày - Giải quyết tranh chấp: _____ [ghi cụ thể thời gian và cơ chế xử lý tranh chấp căn cứ quy mô, tính chất của gói cung cấp. Trong đó cần nêu rõ thời gian gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp, tổ chức giải quyết tranh chấp, chi phí cho việc giải quyết tranh chấp...].

## **Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà cung cấp trúng gói cung cấp ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

## THƯ CHẤP THUẬN HSDXCC VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [*ghi tên và địa chỉ của Nhà cung cấp trúng gói cung cấp*] (sau đây gọi tắt là “Nhà cung cấp”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận HSDXCC và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của Bên mời NCC \_\_\_\_\_ [*ghi tên Bên mời NCC*] (sau đây gọi tắt là “Bên mời NCC”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp gói cung cấp \_\_\_\_\_ [*ghi tên, số hiệu gói cung cấp*], Bên mời Nhà cung cấp \_\_\_\_\_ [*ghi tên Bên mời Nhà cung cấp*] (sau đây gọi tắt là “Bên mời Nhà cung cấp”) thông báo: Bên mời NCC đã chấp thuận HSDXCC và trao hợp đồng cho Nhà cung cấp để thực hiện gói cung cấp \_\_\_\_\_ [*ghi tên, số hiệu gói cung cấp*] với giá hợp đồng là \_\_\_\_\_ [*ghi giá trúng gói cung cấp trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp*] với thời gian thực hiện gói cung cấp là \_\_\_\_\_ [*ghi thời gian thực hiện gói cung cấp trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Bên mời Nhà cung cấp theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: \_\_\_\_\_ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm \_\_\_\_\_ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*];

- Thời gian ký kết hợp đồng: \_\_\_\_\_ [*ghi thời gian ký kết hợp đồng*]; tại địa điểm \_\_\_\_\_ [*ghi địa điểm ký kết hợp đồng*], gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Đề nghị Nhà cung cấp thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 14 Chương VIII – Biểu mẫu hợp đồng của HSMCC với số tiền \_\_\_\_\_ và thời gian hiệu lực \_\_\_\_\_ [*ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 ĐKCT của HSMCC*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà cung cấp phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó nhà cung cấp phải cam kết năng lực hiện tại của nhà cung cấp vẫn đáp ứng yêu cầu của HSMCC. Bên mời NCC sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà cung cấp trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà cung cấp không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói cung cấp.

Nếu đến ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(1)</sup> mà Nhà cung cấp không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà cung cấp sẽ bị loại và không được hoàn trả bảo đảm dự gói cung cấp.

**Đại diện hợp pháp của Bên mời Nhà cung cấp**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự gói cung cấp.

**HỢP ĐỒNG**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_

Gói cung cấp: \_\_\_\_\_ [ghi tên gói cung cấp]

Thuộc dự án: \_\_\_\_\_ [ghi tên dự án]

- Căn cứ \_\_\_\_ (Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015);

- Căn cứ.....

- Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp gói cung cấp \_\_\_\_ [ghi tên gói cung cấp] và Thông báo chấp thuận HSĐXCC và trao hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của Bên mời Nhà cung cấp;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời Nhà cung cấp và nhà cung cấp trúng gói cung cấp ký ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

**Bên mời NCC (sau đây gọi là Bên A)**

Tên Bên mời NCC:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền).

**Nhà cung cấp (sau đây gọi là Bên B)**

Tên nhà cung cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với các nội dung sau:

### **Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Đối tượng của hợp đồng là cung cấp các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

### **Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp;
4. ĐKCT của hợp đồng;
5. ĐKC của hợp đồng;
6. HSDXCC và các văn bản làm rõ HSDXCC của nhà cung cấp trúng gói cung cấp (nếu có);
7. HSMCC và các tài liệu sửa đổi HSMCC (nếu có);
8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

### **Điều 3. Trách nhiệm của Bên A**

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại ĐKCT của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại ĐKC và ĐKCT của hợp đồng.

### **Điều 4. Trách nhiệm của Bên B**

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các dịch vụ như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

**Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Giá hợp đồng: \_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].
2. Phương thức thanh toán: \_\_\_ [ghi phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 13.1 ĐKCT].

**Điều 6. Loại hợp đồng:** \_\_\_ [ghi loại hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 10.1 ĐKCT].

**Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng:** \_\_\_ [ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 8 ĐKC, HSDXCC và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

**Điều 8.** Giá trị công việc mà nhà cung cấp phụ thực hiện không vượt quá : \_\_\_ [trích xuất theo Mục 27.2 CDNCC] giá hợp đồng.

**Điều 9. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ \_\_\_ [ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành \_\_\_ bộ, Bên mời NCC giữ \_\_\_ bộ, nhà cung cấp giữ \_\_\_ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ  
CUNG CẤP**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN  
MỜI NCC**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG**

(Kèm theo hợp đồng số \_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_)

*Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự gói cung cấp của Nhà cung cấp theo các Mẫu bảng giá dự gói cung cấp tương ứng nêu tại HSMCC và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.*

**BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_ [ghi tên Bên mời NCC] (sau đây gọi là “Bên mời NCC”)

Theo đề nghị của \_\_\_\_ [ghi tên Nhà cung cấp] (sau đây gọi là “Nhà cung cấp”) là nhà cung cấp đã trúng gói cung cấp gói cung cấp \_\_\_\_ [ghi tên gói cung cấp] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ cho gói cung cấp trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”);<sup>(1)</sup>

Theo quy định trong HSMCC (hoặc hợp đồng), Nhà cung cấp phải nộp cho Bên mời NCC bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_ [ghi tên của ngân hàng] ở \_\_\_\_ [ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_ [ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(2)</sup>] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà cung cấp với số tiền là \_\_\_\_ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 5.2 ĐKCT của HSMCC]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Bên mời NCC bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Bên mời NCC thông báo Nhà cung cấp vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(3)</sup>.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**Ghi chú:**

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời Nhà cung cấp sẽ báo cáo Bên mời NCC xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của \_\_\_\_ [ghi tên Nhà cung cấp] (sau đây gọi là “Nhà cung cấp”) là nhà cung cấp trúng gói cung cấp gói cung cấp \_\_\_\_ [ghi tên gói cung cấp] đã ký hợp đồng số \_\_\_\_ [ghi số hợp đồng] ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.4 ĐKCT.

**BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG <sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_ [ghi tên Bên mời NCC] (sau đây gọi là “Bên mời NCC”)

[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, \_\_\_\_ [ghi tên và địa chỉ của nhà cung cấp] (sau đây gọi là “Nhà cung cấp”) phải nộp cho Bên mời NCC một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà cung cấp sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng \_\_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_ [ghi tên của ngân hàng] ở \_\_\_\_ [ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_ [ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(2)</sup>] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Bên mời NCC, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà cung cấp phải xem xét trước, thanh toán cho Bên mời NCC khi Bên mời NCC có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá \_\_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 12.1 ĐKCT của HSMCC].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà cung cấp và Bên mời NCC sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Bên mời NCC thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Điều 5 của Hợp đồng sau khi nhà cung cấp xuất trình văn bản xác nhận của Bên mời NCC về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà cung cấp nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(3)</sup> hoặc khi Bên mời NCC thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói cung cấp mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 12.1 ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày hoàn thành việc cung cấp dịch vụ quy định trong hợp đồng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.